

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN LÊ CHÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/KDTM-ST  
Ngày 08-11-2019  
V/v tranh chấp hợp đồng vận chuyển

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Mai

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLST-KDTM ngày 03 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vận chuyển theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 497/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 574/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần L; địa chỉ: Đường L, phường M, quận H, thành phố Hải Phòng; Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thanh H – Luật sư Công ty L (văn bản ủy quyền số 06/QĐ-LS ngày 11/02/2019); Có mặt

- Bị đơn: Công ty TNHH Đ; địa chỉ: Đường N, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thu H – Giám đốc; vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2018 của nguyên đơn là Công ty Cổ phần L, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 28/11/2011 đại diện theo pháp luật

của Công ty cổ phần L có ký Hợp đồng vận chuyển số 128/HĐVC với Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ do bà Bùi Thị Thu H- giám đốc với nội dung sau:

Công ty cổ phần L nhận cấp phương tiện Sà lan để vận chuyển hàng sắt thép với khối lượng vận chuyển khoảng 24.700 tấn từ tàu ECE NUR BAYRAKTAR neo tại vùng neo chuyển tải Cửa Dứa - Quảng Ninh về cầu Cảng Hải Phòng/cầu cảng Vật Cách; thời gian dự kiến nhận hàng ngày 29/11/2011.

Hai bên thỏa thuận cước vận chuyển và chứng từ thanh toán theo Điều 4 của Hợp đồng số 128/HĐVC cụ thể như sau:

Cước vận chuyển:

- Cước vận chuyển từ Cửa Dứa về cầu Cảng Hải Phòng chưa bao gồm thuế VAT là 36.000 đồng/ tấn thực chở hàng.

- Cước vận chuyển từ Cửa Dứa về cầu Cảng Vật Cách chưa bao gồm thuế VAT là 39.000 đồng/ tấn thực chở hàng.

Chứng từ thanh toán: Căn cứ vào phiếu giao, nhận hàng, các chứng từ liên quan khác (nếu có) đã được hai bên xác nhận, hóa đơn tài chính giá trị gia tăng làm cơ sở thanh toán cước.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản qua hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Ngoài ra trong Hợp đồng trên còn thỏa thuận về trách nhiệm của mỗi bên cũng như phương thức giao, nhận, năng suất xếp/ dỡ và định mức chuyển hàng, điều khoản tạm ứng và cam kết chung.

Thực hiện Hợp đồng số 128/HĐVC, Công ty cổ phần L đã dùng phương tiện Sà lan để vận chuyển 24.764,5 tấn sắt thép từ tàu ECE NUR BAYRAKTAR neo tại vùng neo chuyển tải Cửa Dứa - Quảng Ninh về cầu Cảng Hải Phòng.

Tại bản thanh lý Hợp đồng vận chuyển số 01-128/TLHD ngày 22/12/2011 Công ty cổ phần L và Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ đã thống nhất thanh lý khối lượng vận chuyển tính phí vận chuyển là 24.761 tấn.

Về cước vận chuyển từ Cửa Dứa - Quảng Ninh về cầu Cảng Hải Phòng là 24.761 tấn x 36.000 đồng = 891.396.000 đồng; thuế 10% VAT là: 89.139.600 đồng; giá trị hợp đồng bao gồm cả thuế VAT là: 980.535.600 đồng;

Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ đã tạm ứng cho C số tiền 400.000.000 đồng; giá trị còn lại của hợp đồng bao gồm cả thuế VAT là 580.535.600 đồng.

Sau khi hai bên ký bản thanh lý Hợp đồng, Công ty TNHH Đ đã thanh toán tiếp cho Công ty cổ phần L với số tiền 138.000.000 đồng. Đến nay công ty Đ còn nợ số tiền là 442.535.600 đồng. Công ty cổ phần L Phòng đã nhiều lần gửi văn bản đôn đốc nhưng không nhận được thanh toán tiếp số tiền còn nợ. Nay Công ty cổ

phần L yêu cầu Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển D phải thanh toán cho Công ty cổ phần L số tiền còn nợ đọng theo Hợp đồng vận chuyển số 128/HĐVC ngày 28/11/2011 là 442.535.600 đồng; không yêu cầu Công ty TNHH D phải trả bất kỳ khoản tiền lãi nào.

Bị đơn là Công ty TNHH D; địa chỉ: Đường N, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thu H – Giám đốc. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là Công ty TNHH D do Công ty không còn hoạt động tại nơi đăng ký kinh doanh. Vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH D vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành ghi ý kiến của bị đơn cũng như hòa giải được. Tòa án đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng đại diện của Công ty TNHH D vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần L.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là Công ty TNHH D đã được Tòa án niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng Công ty TNHH D vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần L. Việc Công ty TNHH D thay đổi nơi hoạt động doanh nghiệp gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng vận chuyển mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới thì được coi là Công ty TNHH D cố tình giấu địa chỉ.

Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 192, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 535, 538, 541 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 74, 85 Luật thương mại; Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần L, buộc Công ty TNHH D phải trả cho Công ty Cổ phần L số tiền nợ là 442.535.600 đồng, Công ty TNHH D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa hai công ty có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30 của Bộ Luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại.

Bị đơn là Công ty TNHH Đ; có địa chỉ: Đường N, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thu H – Giám đốc. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là Công ty TNHH Đ. Hiện Công ty TNHH Đ không còn hoạt động tại địa chỉ: Đường N, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên theo kết quả của xác minh thể hiện Công ty TNHH Đ; địa chỉ: Đường N, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thu H – Giám đốc vẫn đang hoạt động, chưa thay đổi địa chỉ đăng ký doanh nghiệp. Trong đơn khởi kiện nguyên đơn là Công ty Cổ phần L đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn là Công ty TNHH Đ theo địa chỉ được ghi trong Hợp đồng vận chuyển số 128/HĐVC ngày 28 tháng 11 năm 2011. Việc Công ty TNHH Đ thay đổi nơi hoạt động doanh nghiệp gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng vận chuyển mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới thì được coi là Công ty TNHH Đ cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng đại diện Công ty TNHH Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần L. Căn cứ Điều 192, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là Công ty TNHH Đ.

[3] Về nội dung hợp đồng: Đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần L đã ký hợp đồng vận chuyển số 128/HĐVC ngày 28/11/2011 với đại diện theo pháp Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ với nội dung sau: Công ty cổ phần L nhận cấp phương tiện Sà lan để vận chuyển hàng sắt thép với khối lượng vận chuyển khoảng 24.700 tấn từ tàu ECE NUR BAYRAKTAR neo tại vùng neo chuyển tải Cửa Dừa - Quảng Ninh về cầu Cảng Hải Phòng/cầu cảng Vật Cách; thời gian dự kiến nhận hàng ngày 29/11/2011. Khi tham gia ký kết hợp đồng các bên đều tự

nguyên, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, Luật Thương mại nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

[4] Về quá trình thực hiện hợp đồng và yêu cầu của nguyên đơn: Sau khi ký kết hợp đồng Công ty cổ phần L đã dùng phương tiện Sà lan để vận chuyển 24.764,5 tấn sắt thép từ tàu ECE NUR BAYRAKTAR neo tại vùng neo chuyển tải Cửa Dừa - Quảng Ninh về cầu Cảng Hải Phòng. Đến ngày 22/12/2011, hai bên ký bản thanh lý hợp đồng vận chuyển số 01-128/TLHD xác nhận: Khối lượng vận chuyển tính phí vận chuyển là: 24.761 tấn; tổng số tiền cước vận chuyển (chưa có thuế VAT) là  $24.761 \times 36.000đ/tấn = 891.396.000$  đồng; thuế giá trị gia tăng là 89.139.600 đồng; tổng giá trị thanh toán là: 980.535.600 đồng. Sau khi ký hợp đồng công ty TNHH Đ đã tạm ứng cho Công ty cổ phần L số tiền 400.000.000 đồng và sau khi thanh lý hợp đồng công ty TNHH Đ thanh toán tiếp 138.000.000 đồng. Tổng số tiền Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ đã thanh toán cho Công ty cổ phần Lai dất và vận tải Cảng Hải Phòng là 538.000.000 đồng. Lời trình bày của đại diện hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ là Phiếu giao hàng kèm phiếu xuất kho; giấy kiểm hàng với tàu, hóa đơn giá trị gia tăng. Nay Công ty cổ phần L yêu cầu Công ty TNHH Đ phải thanh toán cho Công ty cổ phần L số tiền còn nợ theo Hợp đồng vận chuyển số 128/HĐVC ngày 28/11/2011 là 442.535.600 đồng. HĐXX xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại các Điều 535, 538, 841 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 74, 85 Luật Thương mại nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn là Công ty TNHH Đ phải chịu 21.702.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Công ty Công ty cổ phần L số tiền tạm ứng án phí 10.850.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012590 ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 192, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 535, 538, 541 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 74, 85 Luật thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần L.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ phải thanh toán cho Công ty cổ phần L số tiền còn nợ từ Hợp đồng vận chuyển số 128/HĐVC ngày 28/11/2011 là 442.535.600 (Bốn trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ phải chịu 21.702.000 đồng (hai mươi một triệu bảy trăm linh hai nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Công ty cổ phần L số tiền tạm ứng án phí 10.850.000 (mười triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012590 ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THA dân sự quận Lê Chân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Tuyết Hồng**





















